

Số: 12/2016/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích đầu tư vào hoạt động
Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 2341/2000/TTLT/BKHCNMT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2000 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 119/1999/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 25/2003/TTLT/BKHCN-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2003 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính về việc bổ sung một số quy định tại Thông tư liên tịch số 2341/2000/TTLT/BKHCNMT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2000 “Hướng dẫn thực hiện nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ”;

Căn cứ Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa

đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc quy định một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (I.II);
- Bộ KHCN;
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lưu VT. NC/KTN.Ng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm
2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách khuyến khích việc đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ nhằm phát triển sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, khả năng cạnh tranh,... của các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Các hoạt động khoa học và công nghệ khuyến khích thực hiện theo quy định này bao gồm:

1. Các hoạt động liên quan đến bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng Châu Á-Thái Bình Dương, kiểm toán năng lượng, hội chợ triển lãm liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ;

2. Ứng dụng kết quả đề tài, dự án tạo ra công nghệ mới, đổi mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ;

3. Xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư được quy định tại Điều 2 Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định này tại tỉnh Đồng Tháp bao gồm:

1. Nhà đầu tư và tổ chức liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh, bao gồm:

- a) Công ty trách nhiệm hữu hạn;
- b) Công ty cổ phần;
- c) Công ty hợp doanh;
- d) Doanh nghiệp tư nhân;

- đ) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi tắt là hợp tác xã);
- e) Doanh nghiệp Nhà nước;
- g) Doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các hội nghề nghiệp có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- h) Doanh nghiệp do người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư trực tiếp tại Việt Nam;
- i) Doanh nghiệp do người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam đầu tư trực tiếp tại Việt Nam;
- k) Doanh nghiệp do công dân Việt Nam cùng thành lập với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, với người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam.

- l) Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài;
 - m) Doanh nghiệp liên doanh;
2. Hộ kinh doanh cá thể có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Các đối tượng nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này sau đây gọi tắt là "*cơ sở*".

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Tại quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Công nghệ* là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.
2. *Công nghệ mới* là công nghệ lần đầu tiên được tạo ra tại Việt Nam.
3. *Chuyển giao công nghệ* là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.
4. *Đổi mới công nghệ* là việc thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng một công nghệ khác tiên tiến hơn, hiệu quả hơn và hoạt động chủ yếu của đổi mới công nghệ là nghiên cứu nhận dạng, đánh giá, định giá công nghệ và thay thế công nghệ đang sử dụng bằng công nghệ tiên tiến; nghiên cứu cải tiến, hoàn thiện công nghệ hoặc nghiên cứu làm chủ và sáng tạo ra công nghệ mới; áp dụng phương pháp sản xuất mới, phương pháp tiên tiến trong quản lý doanh nghiệp; phát triển tính năng, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Chương II

CHÍNH SÁCH VÀ CƠ CHẾ KHUYẾN KHÍCH

Điều 4. Hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của cơ sở

1. Hỗ trợ chi phí xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo các tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 14000, ISO 22000, ISO 50000, GMP, HACCP,

ISO/TCVN 17025, SQF, GlobalGAP, VietGAP, ASC, BAP,... Hỗ trợ chi phí tư vấn và chứng nhận lần đầu cho mỗi hệ thống khi xây dựng, áp dụng.

- Mức hỗ trợ (hỗ trợ tổng chi phí): bằng 50% nhưng không quá 60 triệu đồng/cơ sở.

2. Hỗ trợ chi phí đổi mới, chuyển giao công nghệ đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ có đăng ký chuyên giao được Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Tháp xác nhận.

- Mức hỗ trợ (hỗ trợ tổng chi phí): bằng 50% nhưng không quá 60 triệu đồng/cơ sở.

Việc xem xét căn cứ vào hợp đồng thực hiện và hỗ trợ chủ yếu cho các nội dung như: chi phí tư vấn, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật,... không xét hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị, nhà xưởng, nguyên, nhiên vật liệu.

Điều 5. Hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, tư vấn khoa học công nghệ, tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương và hội chợ triển lãm liên quan đến khoa học và công nghệ, cụ thể:

1. Chi phí đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: sáng chế/giải pháp hữu ích, nhãn hiệu thông thường, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, kiểu dáng công nghiệp.

a) Bảo hộ trong nước (hỗ trợ tối đa 05 văn bằng/cơ sở)

- Đối với sáng chế: không quá 20 triệu đồng/sáng chế; đối với giải pháp hữu ích: không quá 15 triệu đồng/giải pháp hữu ích;

- Đối với nhãn hiệu thông thường: không quá 05 triệu đồng/ nhãn hiệu;

- Đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận: không quá 20 triệu đồng/ nhãn hiệu;

- Đối với kiểu dáng công nghiệp: không quá 07 triệu đồng/ kiểu dáng;

b) Bảo hộ ngoài nước (hỗ trợ tối đa 05 văn bằng/ cơ sở; một văn bằng đăng ký tối đa tại 03 nước): không quá 16 triệu đồng/ đối tượng sở hữu công nghiệp.

2. Chi phí kiểm toán năng lượng: không quá 30 triệu đồng/ cơ sở;

3. Chi phí tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: không quá 20 triệu đồng/ cơ sở;

4. Chi phí tham gia Giải thưởng Châu Á - Thái Bình Dương: hỗ trợ tổng chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/ cơ sở;

5. Chi phí tham gia hội chợ triển lãm có liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ, hỗ trợ tổng chi phí, nhưng không quá 15 triệu đồng/ cơ sở.

6. Chi phí đăng ký mã số mã vạch: không quá 05 triệu đồng/ cơ sở;

Điều 6. Ưu đãi về tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

1. Ưu đãi về tiền thuê đất.

Cơ sở có đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ được miễn thuê đất trong cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

- Đất xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp khoa học và công nghệ nếu đáp ứng được các điều kiện liên quan (nếu có) bao gồm: Đất xây dựng phòng thí nghiệm, đất xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở thực nghiệm, đất xây dựng cơ sở sản xuất thử nghiệm.

2. Ưu đãi về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

Cơ sở có đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ được giảm 50% tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trong các trường hợp sau:

- Đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (theo quy định tại Điều 10 Luật số 48/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010).

Điều 7. Thủ tục đăng ký hỗ trợ tại Điều 4, Điều 5 Quy định này

Các cơ sở đề được hưởng chính sách hỗ trợ từ quy định này phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Đang hoạt động sản xuất, kinh doanh và tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của nhà nước;

2. Không nằm trong các chương trình, dự án, kế hoạch khác và đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với các nội dung được hỗ trợ nêu tại Quy định này.

3. Hồ sơ gồm có:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Phụ lục 1);
- b) Thuyết minh kinh phí và nội dung đề nghị hỗ trợ (Phụ lục 2);
- c) Bản gốc hoặc bản sao y hợp đồng (tư vấn, chứng nhận, chuyển giao công nghệ...);
- d) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- đ) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận, văn bằng bảo hộ đã được cấp chính thức; các loại giấy chứng nhận là kết quả thực hiện các nội dung đề nghị hỗ trợ;
- e) Các chứng từ liên quan đến tài chính.

Điều 8. Thủ tục đăng ký miễn, giảm tiền thuê đất; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

1. Hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, ghi rõ: diện tích đất thuê; thời hạn thuê đất; lý do miễn, giảm và thời hạn miễn giảm tiền thuê đất.

b) Tờ khai tiền thuê đất theo quy định.

c) Dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trừ trường hợp miễn giảm tiền thuê đất mà đối tượng xét miễn, giảm không phải là dự án đầu tư thì trong hồ sơ không cần có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

d) Quyết định cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền; hợp đồng thuê đất (và hợp đồng hoặc văn bản nhận giao khoán đất giữa doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp với hộ nông trường viên, xã viên - đối với trường hợp miễn, giảm được hướng dẫn tại Điểm 3 Mục II, Điểm 3 Mục III Phần C Thông tư số 120/2005/TT-BTC được sửa đổi tại Điểm 4 Mục VII, Điểm 3 Mục VIII Thông tư số 14/2007/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài Chính).

e) Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

g) Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trong trường hợp dự án đầu tư phải được cơ quan nhà nước quản lý đầu tư ghi vào Giấy chứng nhận đầu tư hoặc dự án thuộc diện không phải đăng ký đầu tư nhưng nhà đầu tư có yêu cầu xác nhận ưu đãi đầu tư.

2. Đối với việc giảm 50% tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, người nộp thuế tự xác định khi gửi tờ khai thuế.

Điều 9. Trình tự và thời hạn xét hỗ trợ, ưu đãi

1. Trình tự và thời gian xét hỗ trợ Điều 4, Điều 5 Quy định này

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đăng ký của cơ sở.

b) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gửi trực tiếp tại bộ phận một cửa tại Sở Khoa học và Công nghệ trong giờ hành chính.

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trả lời cho cơ sở về kết quả nội dung đề nghị hỗ trợ.

2. Trình tự và thời gian xét ưu đãi về tiền thuê đất, thuế sử dụng đất

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ phải có ý kiến trả lời đến cơ sở bằng văn bản.

b) Cục Thuế tỉnh sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ về đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, thuế sử dụng đất, trong thời hạn 10 ngày phải ra quyết định miễn, giảm, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất...

Điều 10. Điều chỉnh, bổ sung, chấm dứt hỗ trợ, ưu đãi

1. Trường hợp cơ sở đã được hưởng các mức ưu đãi theo những điều kiện đã đăng ký nhưng trong quá trình thực hiện, cơ sở có sự thay đổi về những điều kiện đã đăng ký dẫn đến thay đổi các mức ưu đãi thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày, cơ sở phải báo bằng văn bản với cơ quan đã cấp quyết định hỗ trợ, ưu đãi để điều chỉnh, bổ sung hoặc chấm dứt hỗ trợ, ưu đãi.

2. Trường hợp các nội dung được hỗ trợ, ưu đãi có nhiều mức hỗ trợ, ưu đãi, cơ sở được hưởng các mức độ ưu đãi khác nhau quy định tại các văn bản

pháp luật khác nhau thì cơ sở có quyền lựa chọn cho mình **một** trong các mức hỗ trợ, ưu đãi cao nhất.

Điều 11. Quản lý kinh phí hỗ trợ

1. Việc quản lý kinh phí hỗ trợ phải thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước;
2. Các trường hợp sử dụng nguồn hỗ trợ sai mục đích hoặc không đúng đối tượng đã đăng ký thì sẽ bị thu hồi;
3. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ hàng năm.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở được hưởng các ưu đãi và kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi gian dối, lợi dụng để được hưởng ưu đãi.

Điều 13. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xét hỗ trợ kinh phí, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy trình và thủ tục xét hỗ trợ tại Điều 4, Điều 5 Quy định này; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh xét ưu đãi, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy trình và thủ tục xét ưu đãi về tiền thuê đất và thuế sử dụng đất. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương

Phụ lục 1
ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Tháp

1. Tên đơn vị:.....
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:, Fax:.....
4. Cơ quan quyết định thành lập (nếu có):.....
5. Thuộc loại hình:
 - Doanh nghiệp nhà nước:
 - Các loại hình khác:
6. Lĩnh vực hoạt động: (theo Quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh)
7. Nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ:
 - Nội dung:
 - Kinh phí:
8. Phần cam đoan của doanh nghiệp: (về tính xác thực của hồ sơ)

....., ngày..... tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2
THUYẾT MINH KINH PHÍ VÀ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH KINH PHÍ VÀ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Tháp

- 1. Đơn vị:**.....
 Địa chỉ:
 Điện thoại:, Fax:.....
 Lĩnh vực kinh doanh:.....

2. Thuyết minh kinh phí:

- Tổng số:
- Bằng chữ:
- Trong đó:

2.1. Hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học:

Chi tiết các khoản chi:

-
-
-

2.2. Vốn tự có của đơn vị:

Chi tiết các khoản chi:

-
-
-

3. Thuyết minh nội dung:

- Trình bày sơ bộ về mục tiêu đầu tư và nội dung các công việc thực hiện của toàn bộ dự án.

- Thuyết minh chi tiết về nội dung đề nghị hỗ trợ.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)